

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỞNG BAN ĐBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 10/05/2018**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		JS2+TD1+TD5	7:25	9+9+4	0+0+0		7+9+6	0+0+0	CHUYỂN 2 PAX TỪ TD1-TD5
2		TD2+CLO+JS2	7:25	3+16+3	0+0+0		0+11+11	0+0+0	
3		TD1+RP2+RCDM	7:25	20+2+0	0+0+0		16+0+6	0+0+0	
4		TD1+CTK3+P2	9:25	10+3+9	0+0+0		9+3+10	0+0+0	
5		P5+CLO	9:25	8+8	0+0		0+22	0+0	

TPBDSX



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/05/2018	TO: JS2 - TD1 - TD5	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: TUYEN - LBinh - Luy	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	JEFFERY DELPHIN MARIUS	JS2	35	1	7		95	KHOAN	Indian
2	RAMZEE BIN KULA	JS2	30	1	7		80	KHOAN	MALAY
3	PUTHEMPARAMBU THAKACHEN SHIBU	JS2	32	1	10		80	KHOAN	Indian
4	VO HUNG KHA	JS2	36-37	2	17		90	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN MAN	JS2	31	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
6	LE KHAC BAO	JS2	33	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN DINH CUONG	JS2	34	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN NGOC LE	JS2	38	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
9	KLIUZHEV R.V	TD1	88	1	6		110	KHOAN	Russian
10	NGUYEN VAN DUNG	TD1	86	1	4	30	65	KHOAN	Vietnamese
11	TO DINH TUYNH	TD1	85	1	5	84	75	KHOAN	Vietnamese
12	LE VAN UAN	TD1	42	1	8		57	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN NGOC PHU	TD1	41	1	2		75	PSV	Vietnamese
14	LE TRONG LUONG	TD1	91	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN QUY	TD1	90	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
16	TRUONG HOANG KHANH	TD1	89	1	3		78	KHOAN	Vietnamese
17	PHAM CONG TIEN	TD1	87	1	2		67	KHOAN	Vietnamese
18	HOANG NGOC SON	TD1	97	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
19	BELAIEV	TD5	01	1	10		85	KH-THAC	Russian
20	NGUYEN XUAN DONG	TD5	02-03	2	15	35	67	KH-THAC	Vietnamese
21	TRAN MANH THUONG	TD5	38	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
22	VU DUC SANG	TD5	04	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	8	9	60	615	0	6		
2	TD1	10	10	42	720	114	10	2	CHUYEN 02 PAX TU TD1 SANG TD5
3	TD5	4	5	43	294	35	6		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>24</b>	<b>145</b>	<b>1.629</b>	<b>149</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>145</b>	<b>1.629</b>	<b>149</b>			

GRAND TOAL: 1.923 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 10-May-18	TO: TD2 - CLO - JS2	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: HUNG - Phong - Vũ	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TELESHEKO I.A	TD2	92	1	15		115	KHOAN	Russian
2	KOPYLOV VLADIMIR	TD2	94	1	12		90	KHOAN	Russian
3	KHAERDINOV VITALY	TD2	93	1	9		73	KHOAN	Russian
4	DAVUDOV D.L	CLO	83	1	6	55	65	KHOAN	Russian
5	DATSKO P.D	CLO	84	1	8		104	KHOAN	Russian
6	SUKHOMLIN I.N	CLO	77	1	7		118	KHOAN	Russian
7	NGUYEN VAN TUAN	CLO	82	1	6		77	PSV	Vietnamese
8	TRINH DUY THANH	CLO	80	1	3		78	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN TRUNG THANH	CLO	79	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN LỘC	CLO	78	1	8		73	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN TIEN SINH	CLO	86	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
12	VU NGOC LUAN	CLO					86	KHOAN	Vietnamese
13	MAI VAN HOI	CLO					74	KHOAN	Vietnamese
14	CHU ĐỨC AI	CLO	74	1	4		76	KHOAN	Vietnamese
15	HOANG THAI ANH	CLO	75	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
16	ĐỖ HUY BÌNH	CLO	76	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN TRỌNG THUY	CLO	85	1	9		68	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN NGOC LY	CLO	81	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN MEN	JS2	10-11	2	15	22	73	KHOAN	Vietnamese
20	BUI VAN THOM	JS2	12	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
21	TRAN VU HAI	JS2	13	1	12		78	KHOAN	Vietnamese
22	LAI HUU HOANG	JS2	09	1	4		69	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	3	3	36	278	0	0		
2	CLO	15	13	75	1.194	55	10		
3	JS2	4	5	38	285	22	12		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>21</b>	<b>149</b>	<b>1.757</b>	<b>77</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>149</b>	<b>1.757</b>	<b>77</b>			

GRAND TOAL: 1.983 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/05/2018	TO: TD1 - RP2 - RCDM	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: LHai - Khanh - THẢO	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN DANH QUY	TD1					70	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN VAN TUAN	TD1	94	1	6		67	KHOAN	Vietnamese
3	LE VAN HOAN	TD1	82	1	5		83	KHOAN	Vietnamese
4	HOANG VAN THUONG	TD1	80	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
5	HOANG VAN DUY	TD1	81	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN TRONG THANG	TD1					50	KHOAN	Vietnamese
7	HUYNH HUU HUNG	TD1	91	1	4		61	KHOAN	Vietnamese
8	VU DINH PHONG	TD1	89	1	7	20	60	KHOAN	Vietnamese
9	TRINH HOANG KHANH	TD1	83	1	9		80	KHOAN	Vietnamese
10	VU VAN QUY	TD1	95	1	4		57	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN MANH LINH	TD1	87	1	7		94	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN TRONG HUNG	TD1	85	1	3		78	KHOAN	Vietnamese
13	VU VAN DOANH	TD1	97	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN GIANG	TD1	88	1	4		69	KHOAN	Vietnamese
15	LE DINH DOAN	TD1	86	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
16	TRAN VAN PHONG	TD1	92	1	3		64	KHOAN	Vietnamese
17	LUU THIEN DUC	TD1	93	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
18	HO VAN HAU	TD1	90	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
19	HOANG VAN BAY	TD1	98	1	7		56	DSONG	Vietnamese
20	NGUYEN QUANG HAO	TD1	84	1	9		83	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN CANH TAN	RP2					78	D-HANH	Vietnamese
22	MISHIN	RP2	87	1	7		106	D-HANH	Russian

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	20	18	99	1.362	20	16		
2	RP2	2	1	7	184	0	0		
3	RCDM	0	0	0	0	20	6		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>19</b>	<b>106</b>	<b>1.546</b>	<b>40</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>106</b>	<b>1.546</b>	<b>40</b>			

GRAND TOAL: 1.692 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/05/2018	TO: TD1 - CTK3 - P2	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:45
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: HUNG - Phong - Vũ	ETA: 11:24
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	THAI DUC TOAN	TD1	51	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
2	YANCHENKO	TD1	59	1	11		80	ANTOAN	Russian
3	LUONG THE MINH	TD1				15	65	KH-THAC	Vietnamese
4	HA VAN THIEU	TD1	60	1	5		61	PSV	Vietnamese
5	TRIEU MINH HONG	TD1	55	1	2		65	PSV	Vietnamese
6	HOANG MINH PHONG	TD1	52	1	3		66	PSV	Vietnamese
7	NGUYEN TIEN THUAT	TD1	57	1	5		77	PSV	Vietnamese
8	ĐẬU ĐỨC HUNG	TD1	53-54	2	14		68	PSV	Vietnamese
9	NGUYEN THANH CONG	TD1	56	1	3		69	PSV	Vietnamese
10	ĐẬU VIỆT BAC	TD1	58	1	4		78	PSV	Vietnamese
11	LAI VAN SANG	CTK3					65	D-HANH	Vietnamese
12	NGUYEN THANH HAI	CTK3	60	1	5	9	75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TRONG HIEN	CTK3	61	1	4	10	66	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM THẾ VINH	P2	42-43	2	14		100	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN VAN TAN	P2	38	1	20		54	XAYLAP	Vietnamese
16	LUONG VAN THUC	P2	41	1	10		71	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN XUÂN QUYÊN	P2	36-37	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
18	LÊ VĂN BẦY	P2	39	1	17		53	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN VAN DIEN	P2	40	1	8		65	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN ANH PHUC	P2	46-47	2	20		52	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN CONG THANH	P2	44-45	2	16		77	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	10	10	51	689	15	9		
2	CTK3	3	2	9	206	19	3		
3	P2	8	12	125	537	0	10		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>24</b>	<b>185</b>	<b>1.432</b>	<b>34</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>185</b>	<b>1.432</b>	<b>34</b>			

GRAND TOAL: 1.651 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/05/2018	TO: P5 - CLO	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:50
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: LHài - Khanh - THẢO	ETA: 11:30
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN QUỐC TOÀN	P5	300	1	8		70	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN XUÂN TỨC	P5	01,36	2	17		56	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐẠO QUỐC HÙNG	P5	50	1	16		62	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH PHONG	P5	96	1	14		70	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN VĂN THAI	P5	97-98	2	13		60	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ VĂN TÙNG	P5	48	1	8		58	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN QUANG SANG	P5	99	1	10		50	XAYLAP	Vietnamese
8	PHẠM VĂN THUY	P5	48	1	8		80	NHATHAU	Vietnamese
9	MAKAROV	CLO	09	1	7		95	ANTOAN	Russian
10	MAI TÚ HAI	CLO	04	1	6		68	PSV	Vietnamese
11	LÊ MINH MINH	CLO	01	1	5		68	PSV	Vietnamese
12	HOÀNG HỮU THỦ	CLO	08	1	5		74	PSV	Vietnamese
13	VŨ MẠNH HƯƠNG	CLO	02	1	4		50	PSV	Vietnamese
14	LAI ĐÌNH HAI	CLO	03	1	5		85	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH TUẤN	CLO	06	1	2		70	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN DUY DŨNG	CLO	05	1	3		70	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH HẬU	CLO	07	1	5		65	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	8	10	94	506	0	4		
2	CLO	9	9	42	645	0	18		
<b>TOTAL</b>		<b>17</b>	<b>19</b>	<b>136</b>	<b>1.151</b>	<b>0</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>136</b>	<b>1.151</b>	<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.287 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 11/05/2018**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	420	RP3+RP2+BK16	7:25	16+6+0	0+0+0		12+9+1	0+0+0	
2	426	BK6+BK5+TD2	7:25	6+0+16	0+0+0		0+4+18	0+0+0	
3	426	TD2+PPD	9:25	16+6	0+0		16+6	0+0	
4	420	RP3+PPD	9:25	3+16	0+0		0+22	0+0	
5	420	P4+TD2	11:25	19+0	0+0		19+3	0+0	

TTBDSX



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/05/2018	TO: RP3 - RP2 - BK16	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: TTrung - Phong - Năm	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN SEN	RP3	32	1	5	26	75	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN XUÂN SANG	RP3	100	1	6		59	KHI	Vietnamese
3	BUI VĂN HUNG	RP3	90	1	4		71	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN TRUNG HOA	RP3	99	1	5		75	KHI	Vietnamese
5	HỒ VĂN LUÔNG	RP3	05	1	4		70	KHI	Vietnamese
6	ĐUÔNG HỒNG QUẬN	RP3					75	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN HUY TRƯỜNG	RP3	98	1	3		65	KHI	Vietnamese
8	PHẠM VĂN LẬP	RP3	31	1	2		55	KHI	Vietnamese
9	PHẠM BÌNH NAM	RP3	01	1	4		64	KHI	Vietnamese
10	LẠI VĂN MINH	RP3	97	1	5		61	KHI	Vietnamese
11	TÀ PHI KHÁNH	RP3					71	KHI	Vietnamese
12	PHẠM BA SINH	RP3	95-96	2	15		67	KHI	Vietnamese
13	NGÔ BA TRỊNH	RP3	93-94	2	8		75	KHI	Vietnamese
14	ĐINH VŨ QUANG	RP3	91-92	2	13		67	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN NGHIỆM VŨ	RP3	88-89	2	14		80	KHI	Vietnamese
16	ĐẶNG MINH VƯƠNG	RP3	04	1	3	32	51	VNPT-BRV	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC DANH	RP2	67	1	15	80	61	XAYLAP	Vietnamese
18	ĐINH QUANG SƠN	RP2	68	1	13		59	XAYLAP	Vietnamese
19	BUI VĂN TUẤN	RP2	65	1	6		54	GETRACO	Vietnamese
20	TRẦN DUY HUNG	RP2	64	1	5		61	GETRACO	Vietnamese
21	PHẠM HỮU MINH	RP2	69	1	5		60	GETRACO	Vietnamese
22	PHAN MẠNH LINH	RP2	66	1	4		65	GETRACO	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	16	18	91	1.081	58	12		
2	RP2	6	6	48	360	80	9		
3	BK16	0	0	0	0	5	1		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>24</b>	<b>139</b>	<b>1.441</b>	<b>143</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>139</b>	<b>1.441</b>	<b>143</b>			

GRAND TOAL: 1.723 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/05/2018	TO: BK6 - BK5 - TD2	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - TRƯỜNG - DTùng	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG NGỌC CƯỜNG	BK6	36	1	17		80	XAYLAP	Vietnamese
2	HOÀNG TRINH ANH	BK6	23	1	17		71	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN XUÂN LỘC	BK6	37-38	2	17		55	XAYLAP	Vietnamese
4	TRINH VAN TU	BK6	40-41	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN VĂN ĐOÀN	BK6	36	1	17		70	XAYLAP	Vietnamese
6	VÔ HOÀNG TIẾN	BK6	35	1	15		80	XAYLAP	Vietnamese
7	NGO THAI HA	BK6	24	1	5		55	DANG KIEM	Vietnamese
8	TRẦN CÔNG HÀ	TD2	14-15	2	12		80	KHOAN	Vietnamese
9	TRƯỜNG HỮU PHƯỚC	TD2	05	1	10		70	YTE	Vietnamese
10	LÊ QUỐC TOÀN	TD2	06	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH ANH	TD2	08	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH TUYẾN	TD2	19	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN ĐỨC DỤC	TD2	20	1	3		50	KHOAN	Vietnamese
14	PHAN MẠNH CƯỜNG	TD2	18	1	5	19	70	KHOAN	Vietnamese
15	NGO VĂN HUY	TD2	07	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
16	PHẠM THANH GIANG	TD2	21,04	2	15		72	KHOAN	Vietnamese
17	ĐỖ BA NAM	TD2	09	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN TRUNG HOÀ	TD2	16-17	2	12		67	KHOAN	Vietnamese
19	LÊ VĂN NGHĨA	TD2	13	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
20	BUI VĂN LỢI	TD2	12	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
21	LÊ MINH ĐỨC*TT	TD2	11	1	2		90	KHOAN	Vietnamese
22	LÊ TUẤN NGHĨA	TD2	10	1	5		70	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	7	9	105	476	0	0		
2	BK5	0	0	0	0	0	4		
3	TD2	15	18	99	1.079	19	18		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>27</b>	<b>204</b>	<b>1.555</b>	<b>19</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>204</b>	<b>1.555</b>	<b>19</b>			

GRAND TOAL: 1.778 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/05/2018	TO: TD2 - PPD	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:45
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - TRƯỜNG - DTùng	ETA: 09:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HA VAN LINH	TD2	53	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
2	VU ĐỨC THANH	TD2	50	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
3	VU THẬP TOAN	TD2					62	KHOAN	Vietnamese
4	LE VAN NAM	TD2	48	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
5	ĐINH VAN TAI	TD2	43	1	2		50	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN CHI ĐỨC	TD2	47	1	3		55	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN DUAN	TD2	39	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM XUÂN HUY	TD2	41	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN MẠNH TINH	TD2	42	1	10		78	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN NGỌC THẠCH	TD2	40	1	5		58	D-HANH	Vietnamese
11	LA QUÝ DANH	TD2	56	1	8		65	DVL	Vietnamese
12	NGO TRI HOANG	TD2	52	1	5		70	DVL	Vietnamese
13	VU NGOC TIEN	TD2	54-55	2	17		60	DVL	Vietnamese
14	PHAN THANH TAI	TD2	49	1	2		57	DVL	Vietnamese
15	DƯƠNG VĂN PHI	TD2	45	1	5		67	GETRACO	Vietnamese
16	ĐINH ANH DŨNG	TD2	44	1	5		70	GETRACO	Vietnamese
17	VU MANH THANG	TD2	51	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
18	HOANG VAN KHAI	TD2	46	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
19	PHẠM TAI	PPD	17	1	8	20	70	KHI	Vietnamese
20	LE VAN LONG	PPD	19	1	3		70	KHI	Vietnamese
21	FPOLOV D.V	PPD	18	1	5		80	KHI	Russian
22	ĐO CHUNG KIEN	PPD	20	1	5		60	KHI	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	18	18	99	1.206	0	16		
2	PPD	4	4	21	280	20	6		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>22</b>	<b>120</b>	<b>1.486</b>	<b>20</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>120</b>	<b>1.486</b>	<b>20</b>			

GRAND TOAL: 1.626 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/05/2018	TO: RP3 - PPD	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: TTrung - Phong - Năm	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN LỢI	RP3	08	1	6		51	VNPT-BRV	Vietnamese
2	PHẠM HOANG TRANG	RP3	09	1	7	77	85	VNPT-BRV	Vietnamese
3	TRẦN ANH PHONG	RP3	10-11	2	8		69	VNPT-BRV	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN TÀ	PPD	13	1	5		73	KHI	Vietnamese
5	ĐỖ VĂN THANH	PPD	05	1	4		84	KHI	Vietnamese
6	TRẦN HUYNH ANH PHONG	PPD	18	1	7	32	66	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN CÔNG HIẾN	PPD	16	1	4		65	KHI	Vietnamese
8	TRỊNH CÔNG BÌNH	PPD	15	1	6		64	KHI	Vietnamese
9	TRẦN VĂN THANH	PPD	10	1	5		57	KHI	Vietnamese
10	VŨ THANH BÌNH	PPD	06	1	4		78	KHI	Vietnamese
11	PHÙNG VĂN CHÍNH	PPD	11	1	5		77	KHI	Vietnamese
12	BUI THANH	PPD	12	1	2		65	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN HUY SƠN	PPD					78	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC HOÀ	PPD	07	1	2		71	KHI	Vietnamese
15	BAGRAMOV A.G	PPD	01	1	6		95	KH-THAC	Russian
16	LUƠNG NGỌC THÀNH	PPD	17	1	4		98	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐÌNH HUY	PPD	14	1	3		59	KHI	Vietnamese
18	TRẦN VĂN CẨM	PPD	04	1	13		61	XAYLAP	Vietnamese
19	PHẠM VĂN ĐẠO	PPD	02-03	2	20		72	XAYLAP	Vietnamese
20	HOANG MINH HIỆU	PPD	09	1	4		66	KHI	Vietnamese
21	PHẠM HAI QUANG	PPD	08	1	4		75	KHI	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	3	4	21	205	77	0		
2	PPD	18	18	98	1.304	32	22		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>22</b>	<b>119</b>	<b>1.509</b>	<b>109</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>119</b>	<b>1.509</b>	<b>109</b>			

GRAND TOAL: 1.737 KGS

VSP REP.  
*[Signature]*

VNH REP.  
*[Signature]*

CAPTAIN  
*[Signature]*



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/05/2018	TO: P4 - TD2	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:50
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Phong - MTHAO - Năm	ETA: 13:30
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN QUYÊN	P4	51	1	10		77	KHI	Vietnamese
2	KOLECHIK A.IO	P4	45	1	10		102	KHI	Russian
3	BRATCHIKOV A.C	P4	55	1	10		92	KHI	Russian
4	TRƯỜNG THANH GIAP	P4	54	1	5		78	KHI	Vietnamese
5	PHẠM TRAI	P4	53	1	3	20	73	KHI	Vietnamese
6	TẠ XUÂN HIỆU	P4	57	1	4		65	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐĂNG TUÂN	P4	49	1	5		70	KHI	Vietnamese
8	PHẠM ĐỨC HIỆP	P4	48	1	3		77	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN VIỆT NGỌC	P4	59-60	2	12		65	KHI	Vietnamese
10	VU ĐÌNH CUƠNG	P4	47	1	5		75	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN MINH CANG	P4	56	1	5		75	KHI	Vietnamese
12	PHẠM MỘNG THANH	P4	50	1	6		70	KHI	Vietnamese
13	LÊ TRUNG LAM	P4	58	1	3		68	KHI	Vietnamese
14	PHAN ĐÌNH NHÂM	P4	52	1	3		62	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN TÀI	P4	46	1	3		70	KHI	Vietnamese
16	TRẦN VĂN KIM	P4	63-64	2	15		58	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN THU TRANG	P4	66	1	5		70	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN TIẾN NHUẬN	P4	61-62	2	18		53	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	18	21	125	1.300	20	19		
2	TD2	0	0	0	0	0	3		
<b>TOTAL</b>		<b>18</b>	<b>21</b>	<b>125</b>	<b>1.300</b>	<b>20</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>125</b>	<b>1.300</b>	<b>20</b>			

GRAND TOAL: 1.445 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVETRO  
TRƯỞNG BAN ĐDĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 12/05/2018**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	420	TD5+CLO	7:25	5+17	0+0		0+22	0+0	
2	424	TD3	7:25	22	0		22	0	
3	424	TD5	9:25	22	0		22	0	
4	420	JS2+TD3	9:25	5+15	0+0		1+21	0+0	

TTBĐSX



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/05/2018	TO: TD5 - CLO	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Hồi - Linh - PTUÁN	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ MẠNH THĂNG	TD5	40	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
2	LÊ THANH LAM	TD5					67	KHOAN	Vietnamese
3	ALEKSANDROV A.A	TD5	39	1	5		85	KHOAN	Russian
4	VANEEV D.V	TD5	37	1	10		100	KHOAN	Russian
5	NGUYEN VAN THUC	TD5	38	1	18		80	KHOAN	Vietnamese
6	ANDRUSHENKO O.A	CLO	81	1	2		125	KHOAN	Russian
7	PHẠM ĐÌNH TUẤN	CLO	24	1	6		62	NHA THAU	Vietnamese
8	NIKOLAYEV G.M	CLO	22	1	9		75	KHOAN	Vietnamese
9	LAM VAN GIANG	CLO	20	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN KHOA	CLO	10	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
11	TU QUỐC VIỆT	CLO	15	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN THAI DUONG	CLO	18-19	2	10		57	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN NGOC AN	CLO					70	KHOAN	Vietnamese
14	VU VAN QUYNH	CLO	16	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN HOI	CLO	11	1	9		66	KHOAN	Vietnamese
16	HOANG THANH MINH	CLO	17	1	9		60	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN HOANG TRUONG	CLO	23	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
18	HOANG TRUNG THONG	CLO	12	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN THỂ NHƯ	CLO	13-14	2	10		65	KHOAN	Vietnamese
20	ĐẶNG VĂN NHÀ	CLO	27-28	2	10	133	70	D-HANH	Vietnamese
21	NGUYEN NGOC CUONG	CLO	26	1	8		80	D-HANH	Vietnamese
22	TRẦN TUNG PHONG	CLO	25	1	7		80	VTB	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	5	4	37	394	0	0		
2	CLO	17	19	112	1.226	133	22		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>23</b>	<b>149</b>	<b>1.620</b>	<b>133</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>149</b>	<b>1.620</b>	<b>133</b>			

GRAND TOAL: 1.902 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/05/2018	TO: TD3	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: L <sup>H</sup> ai - Khanh - TH <sup>A</sup> O	ETA: 09:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	AFANASHEV LIU	TD3	68	1	9		90	KHOAN	Russian
2	KODZOIEV M.M	TD3	78	1	10		95	KHOAN	Russian
3	ĐO MẠNH HÀ	TD3	72	1	7	55	68	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VIỆT HÙNG	TD3	71	1	5	15	78	KHOAN	Vietnamese
5	LƯU QUYẾT THĂNG	TD3					68	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ ANH XUÂN	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
7	VŨ TIÊN DŨNG	TD3	69	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
8	BUI HUU VUNG	TD3	79	1	6		88	KHOAN	Vietnamese
9	ĐOÀN QUANG BÁC	TD3	76	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
10	NGO VAN KIEM	TD3	81	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
11	ĐO THANH HAI	TD3	73	1	12		85	KHOAN	Vietnamese
12	CHU VAN THANG	TD3	67	1	9		70	KHOAN	Vietnamese
13	LƯU VĂN SƠN	TD3	70	1	3		63	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ MẠNH THĂNG	TD3					78	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN CÔNG HOÀN	TD3	80	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
16	PHẠM THANH DŨNG	TD3					68	KHOAN	Vietnamese
17	ĐẶNG ĐÌNH ĐÌNH	TD3					67	KHOAN	Vietnamese
18	LÊ TU HỢP	TD3	77	1	2		67	KHOAN	Vietnamese
19	LÊ NGỌC BÌNH	TD3	75	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
20	KHÔNG QUỐC HÙNG	TD3	74	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
21	HOANG NGOC NGHIA	TD3	72	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
22	VŨ TIÊN LỤC	TD3					65	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	22	16	102	1.620	70	22		
	<b>TOTAL</b>	<b>22</b>	<b>16</b>	<b>102</b>	<b>1.620</b>	<b>70</b>	<b>22</b>		
	<b>WEIGHT KG</b>			<b>102</b>	<b>1.620</b>	<b>70</b>			

GRAND TOAL: 1.792 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/05/2018	TO: TD5	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:35
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: L <del>H</del> ai - Khanh - TH <del>A</del> O	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VO SI HOAI THANH	TD5	43	1	5	25	62	KHOAN	Vietnamese
2	LE HUY TAN	TD5	62-64	3	18		65	YTE	Vietnamese
3	NGUYEN DUY TAM	TD5	41	1	4		61	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN TAN VINH	TD5	58-59	2	18		80	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN TAN PHUOC	TD5	56	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN XUAN THANH	TD5	48	1	6		55	KHOAN	Vietnamese
7	MAI TRUONG TRUNG	TD5	52	1	3		55	KHOAN	Vietnamese
8	LE ANH NGUYEN	TD5	55	1	3		57	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN VAN LEN	TD5	57	1	3		62	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN HIEN	TD5	54	1	2		64	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN XUAN HAI	TD5	53	1	8		79	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN MANH THU	TD5	46-47	2	10		70	KHOAN	Vietnamese
13	PHAN HOANG LAM	TD5	69	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
14	BUI DINH PHUC	TD5	51	1	2		67	KHOAN	Vietnamese
15	LUU THE DIEN	TD5	60	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN HOANH VU	TD5	61	1	2		76	KHOAN	Vietnamese
17	LE TIEN DUNG	TD5	42	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
18	LE HUY TIEN HAI	TD5	44	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
19	ĐANG MINH KHAI	TD5	45	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN VAN NGA	TD5	50	1	3		56	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN VAN TUAN	TD5	49	1	3		58	KHOAN	Vietnamese
22	ĐANG VIET CUONG	TD5	65-66	2	13		68	DVL	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	22	27	138	1.459	25	22		
	TOTAL	22	27	138	1.459	25	22		
	WEIGHT KG			138	1.459	25			

GRAND TOAL: 1.622 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 12-May-18	TO: JS2 - TD3	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:30
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Hồi - Linh - PTUẤN	ETA: 11:10
xanh-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HÀN ĐẠI HẢO	JS2	23	1	13		73	XNĐVL	Vietnamese
2	TRẦN ANH TUẤN	JS2	22	1	9		75	XNĐVL	Vietnamese
3	LE VAN BAO	JS2	21	1	13	25	61	XNĐVL	Vietnamese
4	TẠ MINH UY	JS2	17-18	2	20	30	60	XNĐVL	Vietnamese
5	BUI VAN QUYET	JS2	19	1	10		86	XNK &SG	Vietnamese
6	PHUNG VAN XUYEN	TD3	93	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN THE DUNG	TD3	18	1	9		58	KHOAN	Vietnamese
8	PHAAM VAN CHAU	TD3	19	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN PHI HUNG	TD3	89	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN BINH	TD3	90	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN ĐỨC THANG	TD3	91	1	3		76	KHOAN	Vietnamese
12	VÔ TRỌNG NHÌEN	TD3	94-95	2	9		50	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN QUỐC TRI	TD3	88	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN DƯ	TD3					59	DVL	Vietnamese
15	TRẦN VĂN GIANG	TD3	300	1	8		73	DVL	Vietnamese
16	NGUYEN HỮU TRIẾT	TD3	92	1	15		65	DVL	Vietnamese
17	ĐỖ TIẾN DUNG	TD3	17	1	5		46	DVL	Vietnamese
18	NGUYEN KHẮC SƠN	TD3	98-99	2	20		57	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN HÙNG LONG	TD3	96-97	2	19		54	XAYLAP	Vietnamese
20	MAI DUY KHÁNH	TD3	20	1	10		65	NIPI	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	5	6	65	355	55	1		
2	TD3	15	17	129	950	0	21		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>23</b>	<b>194</b>	<b>1.305</b>	<b>55</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>194</b>	<b>1.305</b>	<b>55</b>			

GRAND TOAL: 1.554 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN